TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH QUẢNG NINH
Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/ 9 / 2018
"V/v Tranh chấp về hôn nhân & gia đình"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thiên Nga**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và ông Nguyễn Tiến Tập

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên

Ngày **11/9/2018**, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2018 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST- DS ngày 06/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số : 19/ 2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị L,** sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Quang T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 36 , Khu 10, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/4/2018 và sửa đổi ngày 04/6/2018, lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị Dương Thị L trình bày:

Chị Dương Thị L và anh Bùi Quang T kết hôn năm 1999,có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã B (Nay là TP B), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại Tổ 36 , Khu 10, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, chung sống được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho tới năm 2013. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên chơi cờ bạc, rượu chè, nghiện ngập. Về nhà lại uống rượu rồi chửi bới đánh đập khủng bố tinh thần vợ con, bản thân chị cùng bố mẹ hai bên gia đình đã nói chuyện, khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Cuộc sống

vợ chồng ngột ngạt, căng thẳng, không thể tìm được tiếng nói chung tình cảm phai nhạt dần. Do không chịu đựng được cuối năm 2013 chị đã bế con bỏ trốn đi nơi khác sinh sống kể từ thời gian đó chị và anh Trình đã sống ly thân mỗi người 1 nơi không quan tâm hay trách nhiệm với nhau. Nay chị L nhận thấy, thời gian ly thân đã lâu tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Quang T.

Về con chung: Chị Lệ và anh T có hai con chung, một con chung đã trưởng thành là Bùi Dương Quang D, sinh ngày: 23/02/2000; một con chung chưa thành niên là Bùi Dương Quang M, sinh ngày 14/4/2007. Quan điểm của chị L xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản.

Bị đơn anh Bùi Quang T vắng tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 20/6/2018 thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, cãi cọ. Từ năm 2013 chị L bỏ đi đâu ở anh cũng không rõ, đến nay hai vợ chồng vẫn sống ly thân nhưng bản thân anh vẫn mong muốn hai vợ chồng quay về đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung, một con chung đã trưởng thành là Bùi Dương Quang D, sinh ngày: 23/02/2000 ; một con chung chưa thành niên là Bùi Dương Quang M, sinh ngày 14/4/2007. Anh có quan điểm nếu anh và chị L ly hôn anh xin nuôi con chung Dương Quang M, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 29/6/2018 Toà án nhân dân thành hố B đã triệu tập anh T và chị L để tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo thủ tục chung. Ngày 29/6/2018 chị L đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với lý do: Hiện tại chị đang đi làm ở tỉnh Gia Lai rất khó để xin nghỉ phép, sức khỏe không tốt nên không thể thường xuyên có mặt tham gia đầy đủ các buổi hòa giải của Tòa án được. Yêu cầu của chị L phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án chấp nhận.

Ngày 23/8/2018,Toà án nhân dân TP Uông Bí đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị L và anh T. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa ngày 11/9/2018 anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng : Tòa án đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử .Nguyên đơn đã thực hiện đày đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại điều 70, 71

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,56 ,81,82,83,84,Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Dương Thị L được ly hôn anh Bùi Quang T; Giao con chung Bùi

Dương Quang M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Dương Thị L nộp tại Tòa án Uông Bí và Tòa án thụ lý đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được qui định tại khoản 1 điều 28, Điểm a khoản 1 điều 25, Điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Quang T vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[**2].Về nội dung**:

[2.1]*Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác đã xác định chị Dương Thị L và anh Bùi Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã B (Nay là TP B), tỉnh Quảng Ninh năm 1999. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc.Thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn xô sát Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng 1 phần do bất đồng về quan điểm sống, 1 phần do mất lòng tin trong quan hệ tình cảm. Dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Anh T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên bản thân anh T cũng thừa nhận anh và chị L từ lâu đã không còn chung sống cùng nhau, hai vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Anh T cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn gia đình.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ngày 21/6/2018 tại khu dân cư nơi 2 vợ chồng chị L sinh sống trước đây có xác nhận của UBND phường T cho biết : Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị L và anh T đúng như chị L đã trình bày. Nếu chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh của người làm chứng là bà Nguyễn Thị P (Là mẹ đẻ anh Bùi Quang T) có lời khai thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh T là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp. Bản thân mỗi người lại không có sự kiềm chế, thông cảm. Dù gia đình đã khuyên giải nhiều lần để chị L và anh T quay về đoàn tụ nhưng anh chị không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Điều này thể hiện cuộc sống vợ chồng của chị L và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không có đã từ lâu, mục đích hôn nhân

không đạt . Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lệ là có cơ sở phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2].*Về con chung*: Chị Dương Thị L và anh Bùi Quang T có hai con chung, một con chung đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập giải quyết, còn một con chung là Bùi Dương Quang M, sinh ngày 14/4/2007. Chị L và anh T đều có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị L và anh T đều có công việc ổn định, có thu nhập nên điều kiện nuôi con của hai anh chị như nhau**.** Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Bùi Dương Quang M hiện tại vẫn đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2018, cháu Bùi Dương Quang M cũng thể hiện nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của của cháu M. Do vậy cần giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp với thực tế và pháp luật.

Chị Dương Thị L có quan điểm không yêu cầu anh Bùi Quang T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy quan điểm của chị L là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh T, khi nào chị L có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[*2.3].Về tài sản chung*: Chị L và anh T đều có quan điểm không yêu cầu Tòa giải quyết.Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[*2.4]Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, điểm c khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56, 58,81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Dương Thị L đối với anh Bùi Quang T.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L được ly hôn với anh Bùi Quang T.

2.Về con chung: Giao con chung Bùi Dương Quang M, sinh ngày 14/4/2007 cho chị Dương Thị L nuôi dưỡng.

Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.Anh T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng cũng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Đồng thời anh T còn có

quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu chị L không nuôi dưỡng được con chung.

3.Về án phí: Chị Dương Thị L phải nộp án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000410 ngày 05/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Chị Dương Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, Toà án báo cho nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- *Các đương sự*
- *VKSND TP B*
- *TAND tỉnh Q. Ninh*
- *THADS TP B.*
- *UBND phường T, TP B*
- *Lưu hồ sơ, án ăn*

Vũ Thị Thiên Nga